TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/HC-PT
Ngày: 21 - 6 - 2023
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Văn Tiến

ông Đinh Phước Hoà

- *Thư ký phiên tòa*: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 15/2023/TLPT-HC ngày 07 tháng 02 năm 2023 về "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2352/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Phan Văn P, sinh năm 1968; địa chỉ: số E T, khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên toà.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Văn Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: hẻm A N, khu phố F, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại phiên toà.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T;

2.2. Ủy ban nhân dân huyện T;

Địa chỉ: số B đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Phan Thị N, chức vụ – Phó Chủ tịch UBND huyện T, có đơn xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Trương Công H, chức vụ – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. bà Lê Thị C, sinh năm 1969;

3.2. ông Phan Văn T, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: số E T, khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, đều vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Phan Văn P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người khởi kiện thể hiện:

Cụ Phan A là ông nội của ông Phan Văn P có tạo lập một ngôi nhà trên thửa đất diện tích 2 sào 8 thước 6 tấc quy bằng 1.280m^2, số hiệu: 4513, loại đất: Vườn ở, nay thuộc thửa số 286, tờ bản đồ số 24, diện tích 1260,2m^2 tại khối phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi ông, bà nội của ông P chết thì cha mẹ ông P được thừa kế sử dụng cho đến nay. Do điều kiện chiến tranh bản chính Trích lục địa bộ số 387 do Sở Địa chánh tỉnh Q (Đ - T - C) cấp ngày 30/4/1938 bị thất lạc, hiện gia đình ông P còn giữ bản sao y bề mặt Trích lục địa bộ này do Quận trưởng quận T chứng thực ngày 20/5/1970. Theo sổ Mục kê đất do Uỷ ban nhân dân (UBND) thị trấn H lập ngày 21/4/1999 được Giám đốc Sở Địa chính phê duyệt ngày 28/4/1999 thửa đất số 286, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.296,9m^2, loại đất thổ cư ký hiệu "T" do ông Phan Văn P đứng tên đăng ký tại trang số 100.

Căn cứ Trích đo địa chính số 688/VPĐK do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất lập ngày 23/3/2015, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T có Phiếu chuyển số 122/VPĐK-PC ngày 28/11/2014 xác nhận về hồ sơ đất đai của ông Phan Văn P tại tổ C, thị trấn H, huyện T đề nghị UBND thị trấn H hướng dẫn lập hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định để Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tham mưu cho UBND huyện giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho gia đình ông P. Tuy nhiên, UBND thị trấn H không thực hiện. ông P đã khiếu nại đến UBND huyện T về việc xin cấp GCNQSDĐ và được giải quyết với nội dung: không chấp nhận nội dung khiếu nại.

Nay ông P yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết:

- Huỷ Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn P; trú tại: khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (lần đầu);

- Huỷ Công văn số 1130/UBND-TNMT ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phúc đáp nội dung kiến nghị của ông Phan Văn P; trú tại: khu phố B, thị trấn H;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan Văn P đối với thửa đất số 268, tờ bản đồ 24, diện tích 1.260,7m^2 tại khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, loại đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

2. Theo Văn bản số 938/UBND-TNMT ngày 26-5-2022 và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thể hiện:

Nội dung đơn khiếu nại của ông Phan Văn P ghi ngày 14/9/2021 đối với Công văn số 1130/UBNDTNMT ngày 05/8/2021 của UBND huyện T, về việc giải quyết trả lời đơn mà ông đã kiến nghị. Qua nội dung đơn ông cho rằng thửa đất số 286, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.260,7m^2 của gia đình ông đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và công nhận toàn bộ diện tích đất này là đất ở tại đô thị. Sau khi nhận đơn, UBND huyện T đã ban hành Thông báo thụ lý số 779/TB-UBND ngày 08/10/2021 và thành lập Tổ xác minh tại Quyết định số 2609/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 theo đúng quy định.

Kết quả xác minh:

- Hồ sơ địa chính: tại sổ Mục kê đất (Q) lập năm 1999 và sổ Địa chính (Quyển 04) lập năm 2001 (do ông Phan Khắc N1 - Chủ tịch UBND thị trấn ký xác nhận ngày 02/02/2001 và ông Dương Chí C1 - Giám đốc xác nhận ngày 07/02/2001) thì thửa đất 1.296,9m^2, loại đất: đất thổ cư, mục đích sử dụng là đất ở do hộ ông P kê khai. Nguồn gốc sử dụng lại sử dụng ổn định từ năm 1990 được UBND thị trấn H xác nhận ngày 12/3/1999

- Về hiện trạng sử dụng đất: theo Trích đo địa chính số 688/VPĐK do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện T lập ngày 23/3/2015: thửa đất số 286, tờ bản đồ số 24 có diện tích 1.260,7m^2, mục đích sử dụng là đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm. Hiện trạng trên thửa đất có xây dựng 03 ngôi nhà cấp 4.

- Các loại giấy tờ do ông Phan Văn P cung cấp: bản Trích lục địa bộ do Sở Địa chánh tỉnh Q (Đ - T - Chánh phủ) cấp ngày 30/4/1938 cho ông Phan A ở tại thôn T, tổ N, huyện T; Biên lai thu thuế nhà đất các năm 1993, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2007, 2008, 2011, 2013, 2016; Bảng kê khai hiện trạng sử dụng ruộng đất ngày 15/02/1991 của hộ ông Phan Văn P.

- Kết quả làm việc với ông Phan Văn P: theo nội dung làm việc trực tiếp với ông Phan Văn P; trú tại: khu phố B, thị trấn H, ông Phan Văn P đề nghị cơ quan Nhà nước căn cứ các giấy tờ ông cung cấp để cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 268, tờ bản đồ số 24 tại khu phố B, thị trấn H cho gia đình ông (có nguồn gốc sử dụng ổn định từ trước năm 1975) với toàn bộ diện tích là đất ở tại đô thị.

- Phiếu lấy ý kiến khu dân cư: ngày 30 tháng 8 năm 2017 khu dân cư tổ C, thị trấn H (nay là khu phố B, thị trấn H) do ông Lê Trung P1 - Tổ trưởng dân phố đã tổ chức họp để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số 286, tờ bản đồ số 24, tại tổ C thị H của ông Phan Văn P. Cuộc họp đã thống nhất xác định nguồn gốc sử dụng thửa đất là đất của ông bà cha mẹ để lại từ thời trước năm 1975. Có 03 hộ dân ký xác nhận gồm ông Đoàn Ngọc N2, ông Phan Văn Đ1, ông Phan Văn L cùng trú tại tổ C, thị trấn H và được UBND thị trấn H ký xác nhận cùng ngày 30/8/2017.

Theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành thì việc xác định diện tích đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở phải đảm bảo 02

điều kiện: thứ nhất: người sử dụng đất phải sử dụng thửa đất ở có vườn, ao gắn liền với nhà ở hình thành trước ngày 18/12/1980; thứ hai: người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (quy định chi tiết điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai) và Điều 15 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ T1.

Các loại giấy tờ mà hộ ông Phan Công P2 cung cấp không phải là một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013. Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (quy định chi tiết điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai) và Điều 15 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ T1.

Vì vậy, thửa đất số 286, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.260,7m^2 của gia đình ông Phan Văn P không đủ điều kiện công nhận toàn bộ diện tích thửa đất là đất ở đô thị theo quy định. Do đó, UBND huyện T ban hành Công văn số 1130/UBND-TNMT ngày 05/8/2021 là đúng quy định pháp luật đất đai hiện hành.

Từ những cơ sở nêu trên cho thấy UBND huyện T đã thụ lý, kiểm tra xác minh, Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn P; trú tại: số E T, khu phố B, thị trấn H, huyện T (lần đầu) đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Do đó, ông Phan Văn P yêu cầu huỷ Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch UBND huyện T, Công văn số 1130/UBND-TNMT ngày 05/8/2021 của UBND huyện T và buộc UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan Văn P đối với thửa đất số 268, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.260,7m^2, địa chỉ thửa đất tại khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam toàn bộ là đất ở là không có cơ sở để giải quyết.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015. Điều 100; Điều 103 Luật Đất đai 2013. Điều 18; Điều 24 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Điều 18; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32 Luật Khiếu nại 2011. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P về yêu cầu:

- Huỷ Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn P; trú tại: khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (lần đầu);

- Huỷ Công văn số 1130/UBND-TNMT ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phúc đáp nội dung kiến nghị của ông Phan Văn P; trú tại: khu phố B, thị trấn H;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan Văn P đối với thửa đất số 286, tờ bản đồ 24, diện tích 1.260,7m^2 tại khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam loại đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 12 năm 2022 ông Phan Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phan Văn P trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Theo quy định của Luật Đất đai thì người dân có các loại giấy tờ như Trích lục bằng khoán điền thổ, Trích lục địa bộ thì được cấp GCNQSDĐ mà không phải trả tiền sử dụng đất. Trong khi ông P có giấy tờ nên được cấp GCNQSDĐ. Đất vườn ao của ông P gắn liền với nhà ở, không tranh chấp, phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật Đất đai. Ông P đã thực hiện thủ tục và đã được đóng tiền lệ phí để được cấp GCNQSDĐ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Phan Văn P là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: các loại giấy tờ ông P cung cấp không thuộc quy định tại Điều 100 Luật Đất đai. Bản án sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm ông P không cung cấp tài liệu chứng cứ mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Phan Văn P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: ngày 05 tháng 12 năm 2022 ông Phan Văn P kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC- ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo của ông Phan Văn P là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 05/8/2021 Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Công văn số 1130/UBND-TNMT (Công văn 1130/UBND-TNMT) về việc phúc đáp nội dung kiến nghị của ông Phan Văn P; trú tại: khu phố B, thị trấn H. Ngày 10/12/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 3244/QĐ-UBND (Quyết định số 3244/QĐ-UBND) về giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn P; trú tại: khu

phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (lần đầu). Ngày 22/12/2021 ông Phan Văn P khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam giải quyết: huỷ Quyết định số 3244/QĐ-UBND; huỷ Công văn số 1130/UBND-TNMT; buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan Văn P đối với thửa đất số 268, tờ bản đồ 24, diện tích 1.260,7m^2 tại khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam loại đất ở theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, đây là các quyết định hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến ông Phan Văn P. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Phan Văn P:

[3.1] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Tại sổ Mục kê đất (Quyển 03) lập năm 1999 và sổ Địa chính (Quyển 04) lập năm 2001 thì thửa đất số 286, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.296,9m^2, loại đất: đất thổ cư, mục đích sử dụng là đất ở do hộ ông P kê khai.

Tại phiếu lấy ý kiến ngày 30 tháng 8 năm 2017 khu dân cư tổ C, thị trấn H xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất số 286, tờ bản đồ số 24, tại tổ C, thị trấn H của ông Phan Văn P. Cuộc họp đã thống nhất xác định nguồn gốc sử dụng thửa đất là đất của ông bà cha mẹ để lại từ thời trước năm 1975.

Biên bản xác minh ngày 18/11/2022 đối với Chi nhánh Văn phòng Đ2: Chi nhánh Văn phòng Đ2 không lưu trữ hồ sơ Chỉ thị 299/TTg, nên không có hồ sơ kê khai 299/TTg của thửa đất số 286, tờ bản đồ số 24 tại tổ C, thị trấn H.

Hộ ông Phan Văn P sử dụng đất được cộng đồng dân cư xác nhận trước 18/12/1980, nhưng ông P không có các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Đối với chứng cứ ông P cung cấp gồm: bản photo y bề mặt Trích lục địa bộ số 387 do Sở Địa chánh tỉnh Q (Đ-T-C) cấp ngày 30/4/1938 và Biên lai nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế nhà đất không phải là các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013.

[3.2] Theo trích đo địa chính số 688/VPĐK do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T lập ngày 23/3/2015 thì: thửa đất số 286, tờ bản đồ số 24 có diện tích 1.260,7m^2, mục đích sử dụng là đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm; trên thửa đất có 3 ngôi nhà cấp 4.

Khoản 4, 5 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013 quy định:

"4. Đối với trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện, tập quán tại địa phương quy định hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình phù hợp với tập quán ở địa phương theo số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình;

b) Trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn hạn mức công nhận đất ở tại địa phương thì diện tích đất ở được xác định bằng hạn mức công nhận đất ở tại địa phương;

c) Trường hợp diện tích thửa đất nhỏ hơn hạn mức công nhận đất ở tại địa phương thì diện tích đất ở được xác định là toàn bộ diện tích thửa đất.

5. Đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật này mà đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì diện tích đất ở được xác định theo mức quy định tại khoản 4 Điều này*; trường hợp đất đã sử dụng ổn định kể từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì diện tích đất ở được xác định theo mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 143 và khoản 4 Điều 144 của Luật này".*

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2022/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P là có căn cứ, đúng pháp luật. Bác kháng cáo của ông Phan Văn P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Phan Văn P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Phan Văn P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015. Điều 100; Điều 103 Luật Đất đai 2013. Điều 18; Điều 24 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Điều 18; Điều 27; Điều 28; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 32 Luật Khiếu nại 2011. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P về yêu cầu:

- Huỷ Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về giải quyết khiếu nại của ông Phan Văn P; trú tại: khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (lần đầu);

- Huỷ Công văn số 1130/UBND-TNMT ngày 05/8/2021 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phúc đáp nội dung kiến nghị của ông Phan Văn P; trú tại: khu phố B, thị trấn H;

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Phan Văn P đối với thửa đất số 286, tờ bản đồ 24, diện tích 1.260,7m^2 tại

khu phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam loại đất ở theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Phan Văn P phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền ông P đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000302 ngày 26/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký) (Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến **Đinh Phước Hoà** **Trần Quốc Cường**